

CẢNH BÁO CÁC SAI PHẠM ĐƯỢC PHÁT HIỆN QUA CÔNG TÁC KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

通關後檢查工作發現的違反行為警告

Người trình bày: Trần Ngọc Anh

報告人：陳玉英

Phó Chi cục trưởng Chi cục
KTSTQ

通過後檢查分局副局長

CÁC NỘI DUNG TRÌNH BÀY/報告內容

I. Kiểm tra sau thông quan là gì?

通關後檢查是什麼？

II. Các trường hợp kiểm tra sau thông quan

通關後檢查的場合

III. Các sai phạm được phát hiện

所發現違反行為

IV. Hậu quả từ việc sai phạm

違法導致的後果

I. KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN LÀ GÌ 通關後檢查是什麼？

Căn cứ Điều 77 Luật Hải quan năm 2014

Hoạt động kiểm tra của cơ quan hải quan đối với hồ sơ hải quan, sổ kế toán, chứng từ kế toán và các chứng từ khác, tài liệu, dữ liệu có liên quan đến hàng hóa

對海關卷宗、會計賬簿、會計傳票等與貨物有關的單證、單據、資料進行海關查驗活動

Đánh giá tính chính xác, trung thực nội dung các chứng từ, hồ sơ mà người khai hải quan đã khai, nộp, xuất trình với cơ quan hải quan; đánh giá việc tuân thủ pháp luật hải quan và các quy định khác của pháp luật liên quan đến quản lý xuất khẩu, nhập khẩu của người khai hải quan

評估報關人向海關局申報、提交和出示的文件和檔案內容的準確性和真實性；評估海關法和其他與報關員進出口管理相關的法律規定的遵守情況

Kiểm tra thực tế hàng hóa trong trường hợp cần thiết và còn điều kiện sau khi hàng hóa đã được thông quan

在貨物清關後必要時對貨物進行實物檢查



I. Kiểm tra sau thông quan là gì

CÁC HÌNH THỨC KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN 通關後檢查形式



**TẠI TRỤ SỞ
CƠ QUAN HẢI QUAN
在海關辦公廳**



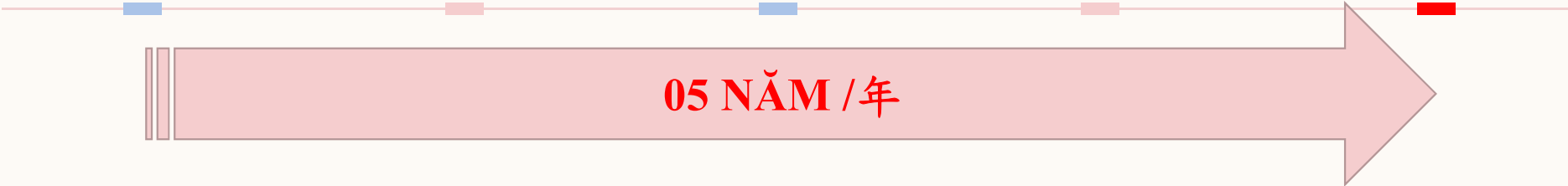
**TẠI TRỤ SỞ NGƯỜI KHAI HẢI
QUAN: TRỤ SỞ CHÍNH, CHI
NHÁNH, CỬA HÀNG, NƠI SẢN
XUẤT, NƠI LƯU GIỮ HÀNG HÓA
在海關申報人的辦公室：總部、分公司、
商店、生產地、儲存處**



THỜI HẠN KIỂM TRA 檢查時間

NGÀY ĐĂNG KÝ TỜ
KHAI
申報日期

通關後檢KIỂM TRA
SAU THÔNG QUAN
查



05 NĂM / 年



II. CÁC TRƯỜNG HỢP KIỂM TRA SAU THÔNG QUAN

通關後檢查の場合

II. Các trường hợp kiểm tra sau thông quan/通關後檢查場合



1. Kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan và quy định khác của pháp luật liên quan đến quản lý xuất khẩu, nhập khẩu.

有違反海關法及其他進出口管理相關法律法規跡象時進行檢查。



2. Thực hiện trên cơ sở áp dụng quản lý rủi ro.

在風險管理的基礎上進行



3. Kiểm tra việc tuân thủ pháp luật của người khai hải quan.
檢查申報人是否遵守法律規定



III. CÁC SAI PHẠM ĐƯỢC PHÁT HIỆN

發現的違反行為

1. KHAI SAI MÃ SỐ HÀNG HÓA, THUẾ SUẤT DẪN ĐẾN THIẾU SỐ TIỀN THUẾ PHẢI NỘP; DOANH NGHIỆP KHAI BÁO KHÔNG CHÍNH XÁC MÔ TẢ HÀNG HÓA, MÃ SỐ THEO:

貨物編碼、稅率申報不正確，導致應納稅額不足； 公司根據以下內容錯誤申報貨物描述和代碼：



2. KHAI SAI SO VỚI THỰC TẾ VỀ LƯỢNG, TÊN HÀNG, CHỦNG LOẠI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU THUỘC ĐỐI TƯỢNG MIỄN THUẾ, ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ
虛報數量、品名、免稅進出口貨物種類和非徵稅對象

Tên hàng, số lượng theo khai báo trên tờ khai hải quan sai khác so với:

所申報的商品名稱、數量異於

Thực tế nhập kho
實際入庫數量

Phiếu nhập kho, trên sổ sách kế toán
會計帳冊、入庫單上的

3. XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA KHÔNG ĐÚNG VỚI NỘI DUNG THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỢC GHI NHẬN TRÊN GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

出口、進口貨物不符合投資登記上記載的項目內容

**Nhập khẩu hàng hóa
không có quyền nhập
khẩu**

進口未得允許的商品

**Xuất khẩu hàng hóa
không có quyền xuất
khẩu**

出口未得允許的商品

**4. THÔNG BÁO BỔ SUNG THÔNG TIN KHÔNG ĐÚNG THỜI HẠN QUY ĐỊNH KHI CÓ SỰ
THAY ĐỔI CƠ SỞ GIA CÔNG, SẢN XUẤT HÀNG HÓA XUẤT KHẨU; NƠI LƯU GIỮ
NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ, MÁY MÓC, THIẾT BỊ, SẢN PHẨM XUẤT KHẨU**

出口貨物的加工、生產設施發生變化時，在規定期限內通報補充情況； 原材料、
供應品、機械、設備和出口產品的儲存場所



**PHÁT SINH THÊM CƠ
SỞ SẢN XUẤT
添加生產基地**



**NƠI LƯU GIỮ NGUYÊN LIỆU,
VẬT TƯ, MÁY MÓC, THIẾT BỊ,
SẢN PHẨM XUẤT KHẨU
原料、物資、機器、設備、出
口商品的儲存處**

**KHÔNG/CHƯA THỰC HIỆN
KHAI BÁO TRƯỚC KHI ĐƯA
HÀNG HÓA VÀO SẢN XUẤT,
LƯU GIỮ NGUYÊN LIỆU, VẬT
TƯ, MÁY MÓC, THIẾT BỊ,
SẢN PHẨM XUẤT KHẨU
不/未在貨物投入生產、儲存原
材料、供應品、機械、設備和出
口產品之前進行申報**

5. THÔNG BÁO HỢP ĐỒNG GIA CÔNG LẠI, PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG GIA CÔNG LẠI KHÔNG ĐÚNG THỜI HẠN QUY ĐỊNH

再加工合同及再加工合同附件未按規定期限作通知

Phát sinh việc đưa hàng hóa gia công, sản xuất xuất khẩu đi gia công lại trong nước, tuy nhiên trước khi thực hiện việc đưa hàng hóa gia công, sản xuất xuất khẩu đã gia công lại không thông báo cho cơ quan hải quan
將加工出口或生產出口的商品進行國內再加工，但在這之前，未按照規定通知海關局。



6. THÔNG BÁO ĐỊNH MỨC THỰC TẾ CỦA LƯỢNG SẢN PHẨM ĐÃ SẢN XUẤT KHÔNG ĐÚNG THỜI HẠN QUY ĐỊNH

對於實際生產的產品數量未按規定期限作通知

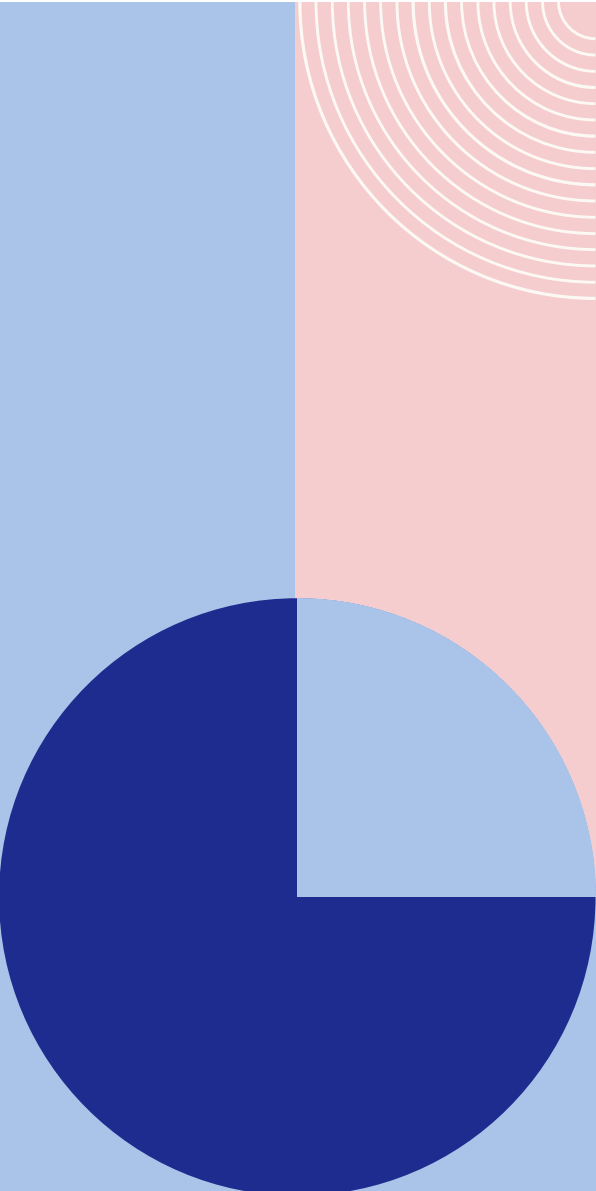
Không thông báo
định mức thực tế
của lượng sản
phẩm đã sản xuất
theo năm tài chính
未公佈財政年度實
際生產的產品數量



Định
mức
thực tế
sản xuất
實際生
產數量

Chỉ thông báo
định mức của một
vài mã đại diện
只公布一部分的數
量





7. Lập báo cáo quyết toán không đúng so với quy định hướng dẫn tại Điều 60 Thông tư 38/2015/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 39/2018/TT-BTC

不按照38/2015/TT-BTC通告第60條，經39/2018/TT-BTC通告修改補充的指導進行製作結算報告，

8. Doanh nghiệp chế xuất khi bán phế liệu ra thị trường nội địa không thực hiện mở tờ khai xuất khẩu, không yêu cầu DN nội địa mở tờ khai nhập khẩu đối Ứng

出口加工企業將廢料銷往國內市場時，不開出口報關單或要求國內企業開對口進口報關單。

9. LẬP BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KHÔNG ĐÚNG SO VỚI SỔ, CHỨNG TỪ KẾ TOÁN, TỜ KHAI HẢI QUAN 制立與賬簿、會計傳票、報關單不符的結算報告



DN CHỈ CĂN CỨ VÀO SỐ LIỆU TRÊN

企業只根據下列數據:

- Tờ khai nhập khẩu/
進口申報單
- Tờ khai xuất khẩu/
出口申報單
- Định mức để lập BCQT
標準制立結算報告



LẬP BCQT DỰA TRÊN SỐ LIỆU
HẠCH TOÁN TRÊN SỔ SÁCH KẾ
TOÁN, THỰC TẾ SX PHÁT SINH
NHIỀU TÌNH HUỐNG NHƯ
NHẬP KHO LẠI, THÀNH PHẨM
KHÔNG ĐẠT PHẢI SỬA CHỮA,
THỰC TẾ KIỂM KÊ KHÁC SO
VỚI SỔ SÁCH KẾ TOÁN.

根據會計賬簿上的會計數據、生
產時發生的突發情況再入庫、成
品不達標要修改、與會計帳簿不
符的實際數據進行編制結算報告

10. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ NGUYÊN LIỆU, VẬT TƯ, MÁY MÓC, THIẾT BỊ, SẢN PHẨM GIA CÔNG, SẢN XUẤT XUẤT KHẨU, CHẾ XUẤT DẪN ĐẾN HÀNG HÓA THỰC TẾ TỒN KHO THIẾU SO VỚI CHỨNG TỪ KẾ TOÁN, SỔ KẾ TOÁN, HỒ SƠ HẢI QUAN ĐỐI VỚI HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU
違反原材料、物資、機械、設備、加工、製造、進出口產品管理規定，造成實際存貨與會計傳票、賬簿、海關卷宗相比短缺的情況。



Đây là vi phạm thường gặp nhất trong công tác kiểm tra đối với các DN thực hiện loại hình GC – SX XK – CX/這是對於加工、生產出口進行檢查工作時常見的違反情況：



Công tác quản lý chưa tốt
管理工作不佳



Các bộ phận Kho, SX, kế toán, XNK không phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc đối chiếu số liệu định kỳ nhằm kịp thời phát hiện

倉庫、生產、會計、進出口部門之間沒有密切配合，定期比對數據，及時發現問題



Định mức khai báo để lập BCQT không phải là định mức thực tế sản xuất
結算報告的數據不是實際的生產數據



Nguyên nhân khác/其他原因

10. SỬ DỤNG HÀNG HÓA THUỘC ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHỊU THUẾ, MIỄN THUẾ, XÉT MIỄN THUẾ KHÔNG ĐÚNG MỤC ĐÍCH MÀ KHÔNG KHAI BÁO VIỆC CHUYỂN ĐỔI MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỚI CƠ QUAN HẢI QUAN

未向海關申報改變使用目的，將不徵稅、免稅或考慮免稅的貨物用於不正當用途

Khi thay đổi mục đích sử dụng, không mở tờ khai chuyển mục đích sử dụng và thực hiện nghĩa vụ thuế (nếu có) mà tự ý tiêu thụ, bán hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế (nguyên liệu, thành phẩm có nguồn gốc nhập khẩu để SXKK, GC ra thị trường nội địa).

改變用途時，不開具改變用途申報單，不履行納稅義務（如有），擅自將商品視為不徵稅商品（用於生產出口，加工到國內市場的原料、成品）進行消費、銷售。

Hoặc khi phát hiện thực tế hàng hóa không còn tại kho nhưng sổ sách kế toán vẫn còn đang theo dõi thì thực hiện hợp thức hóa bằng cách mở tờ khai chuyển đổi mục đích sử dụng trên thực tế không còn hàng (lấy hàng khác cùng chủng loại để xuất trình khi cơ quan hải quan kiểm tra).

或當檢測到貨物已不在倉庫但賬簿仍在追蹤中時，在沒有貨物的情況下，通過開立用途變更申報單進行合法化（當海關進行檢查時，拿同用途的其他貨物向海關局出示，提供海關局檢查）。

11. KHAI BÁO XUẤT XỨ HÀNG HÓA XK, NK KHÔNG ĐÚNG SO VỚI QUY ĐỊNH, GIAN LẬN, GIẢ MẠO XUẤT XỨ VIỆT NAM

未按規定申報進出口貨物原產地，弄虛作假、冒充為越南原產的商品。



**SỬ DỤNG C/O HÀNG NHẬP
KHẨU KHÔNG HỢP LỆ**
使用不合法的原產地證書



**KHAI SAI SO VỚI THỰC TẾ
VỀ XUẤT XỨ HÀNG HÓA
HÀNG XK**
誤報出口商品的原產地



**GIAN LẬN, GIẢ MẠO XUẤT
XỨ VIỆT NAM**
作假，冒充為越南原產的
商品

IV. HẬU QUẢ TỪ VIỆC SAI PHẠM

違反導致的後果



Tài chính: Bị ấn định, truy thu thuế, bị xử phạt vi phạm hành chính

財政：徵稅、被追收稅款、接受行政處罰



Đánh giá xếp hạng tuân thủ: Bị giảm mức độ tuân thủ từ đó ảnh hưởng tới việc thiết lập tiêu chí phân luồng tờ khai, phát sinh thêm các chi phí về thời gian và các chi phí khác.

遵守程度排行評估：遵守程度降低，影響到申報單分類標準，從而產生額外的時間成本和其他成本。

**TRÂN TRỌNG
CẢM ƠN!**
非常感謝